

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC KỸ NĂNG SỐNG CHỖ HỌC SINH Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP

Nguyễn Hữu Nghị

Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

Email: nhnghitx@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 17/11/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 08/12/2024; Ngày duyệt đăng: 18/12/2024

Tóm tắt

Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh là rèn cho học sinh có được những hành vi lành mạnh, giúp học sinh có kinh nghiệm trong cuộc sống và hình thành ở học sinh các giá trị văn hoá con người trong thời đại hiện nay, giúp cho học sinh có nền tảng vững chắc khi chuyển qua một môi trường mới và quan hệ mới. Để có cơ sở cho nhà trường có thể đưa ra một số biện pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, chúng tôi đã tiến hành khảo sát 56 ý kiến của 13 cán bộ quản lý và 43 giáo viên thông qua bảng hỏi Likert 5 mức độ về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Kết quả đánh giá cho thấy công tác quản lý và tổ chức triển khai hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp còn nhiều khó khăn và bất cập.

Từ khóa: Giáo dục kỹ năng sống, học sinh trung học cơ sở, quản lý.

CURRENT STATUS OF LIFE SKILLS EDUCATION MANAGEMENT FOR JUNIOR HIGH SCHOOLERS IN THAP MUOI DISTRICT, DONG THAP PROVINCE

Nguyen Huu Nghi

Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam

Email: nhnghitx@gmail.com

Article history

Received: 17/11/2024; Received in revised form: 08/12/2024; Accepted: 18/12/2024

Abstract

Managing life skills education activities for students is to train students to have healthy behaviors, help them gain life experience, form human cultural values in the present era, and have a solid foundation towards a new environment and new relationships. A survey was conducted among 56 subjects, including 13 administrators and 43 teachers. Statistic results were addressed on the current status of managing life skills education activities for students in junior high schools in Thap Muoi district, Dong Thap province. The results are the basis for the schools to propose a number of solutions to improve the quality and effectiveness of managing life skills education activities in junior high schools in this area.

Keywords: Junior high school students, life skills education, management.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1422>

Trích dẫn: Nguyễn, H. N. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 232-241. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1422>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

1. Đặt vấn đề

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Đảng Cộng sản Việt Nam về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế với mục tiêu “Tạo chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả giáo dục và đào tạo; đáp ứng ngày càng tốt hơn công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và nhu cầu học tập của người dân. Giáo dục con người Việt Nam phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; yêu gia đình, yêu Tổ quốc, yêu đồng bào; sống tốt và làm việc hiệu quả”. Trong đó có nêu rõ mục tiêu của giáo dục phổ thông là: Tập trung phát triển trí tuệ, thể chất, hình thành phẩm chất, năng lực công dân, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh (HS). Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng giáo dục lý tưởng, truyền thống, đạo đức, lối sống, ngoại ngữ, tin học, năng lực và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Phát triển khả năng sáng tạo, tự học, khuyến khích học tập suốt đời. (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Theo khuyến nghị của UNESCO (1996) Ủy ban Quốc tế về mục tiêu giáo dục cho thế kỷ XXI dựa trên 4 trụ cột “Học để biết, Học để làm, Học để chung sống, Học để khẳng định mình”. Giáo dục nước ta đã và đang đổi mới mạnh mẽ theo bốn trụ cột của giáo dục nói trên, mà thực chất là tiếp cận giáo dục giá trị sống, hình thành kỹ năng sống (KNS) cho người học.

Thực hiện các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội và quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành thông tư số 32/2018/TT-BGD&ĐT ngày 26/12/2018 về Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; trên cơ sở đó, giáo dục KNS được xem là bộ phận quan trọng không thể thiếu của chương trình giáo dục phổ thông 2018, là hoạt động lồng ghép vào các môn học từ lớp 1 đến lớp 12, chú trọng giáo dục theo hướng mở, nội dung giáo dục gắn liền với thực tế đời sống và nghề nghiệp, không bị bó hẹp trong sách vở, là con đường gắn lý thuyết với thực tiễn, tạo nên sự thống nhất giữa nhận thức và hành động, góp phần phát triển phẩm chất, tư tưởng, ý chí, tình cảm, giá trị, KNS, niềm tin đúng đắn vào khoa học, hình thành những năng lực cần có của con người trong xã hội hiện đại, phát triển nhân cách toàn diện, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao trong giai đoạn hiện nay. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, ở bậc trung học cơ sở (THCS), hoạt động giáo dục KNS giúp HS củng cố thói quen tích cực, nề nếp trong học tập và sinh hoạt, hành vi giao tiếp ứng xử có văn hoá và tập trung hơn vào phát triển trách nhiệm cá nhân: Trách nhiệm với bản thân, trách nhiệm với gia đình, cộng đồng; hình thành các giá trị của cá nhân theo chuẩn mực chung của xã hội; hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề trong cuộc sống; biết tổ chức công việc một cách khoa học; có hứng thú, hiểu biết về một số lĩnh vực nghề nghiệp, có ý thức rèn luyện những phẩm chất cần thiết của người lao động và lập được kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với định hướng nghề nghiệp. (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2018).

Để thực hiện đổi mới giáo dục cũng như đưa hoạt động giáo dục KNS ở các trường THCS một cách hiệu quả và đồng bộ, đòi hỏi phải có sự chỉ đạo sâu sát và kịp thời từ các cấp quản lý, ban giám hiệu nhà trường trong đó hiệu trưởng giữ vai trò quan trọng trong việc chỉ đạo thực hiện. Tuy nhiên, do hoạt động giáo dục KNS khá mới, các trường THCS chưa thực sự hiểu rõ về tầm quan trọng cũng như lợi ích của hoạt động nên hoạt động được thực hiện chưa đồng bộ, chất lượng chưa cao chủ yếu thực hiện tích hợp qua các tiết học. Cán bộ quản lý (CBQL) chưa quán triệt đầy đủ tinh thần của hoạt động giáo dục KNS, năng lực giáo viên (GV) còn hạn chế khi lên kế hoạch tổ chức các hoạt động cho HS. HS lơ đãng, rụt rè, lúng túng, thiếu tự tin vào bản thân, chưa tích cực còn thụ động, phụ thuộc, trông chờ vào hướng dẫn của thầy cô.

Giáo dục KNS là một phần không thể thiếu trong chương trình giáo dục phổ thông, nhằm giúp HS phát triển toàn diện cả về kiến thức và KNS. Tuy nhiên, việc thực hiện hoạt động này tại các trường THCS nói chung và các trường THCS trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nói riêng, còn gặp nhiều khó khăn, đòi hỏi sự quan tâm chỉ đạo sát sao từ các cấp quản lý

và nhà trường. Mặc dù hàng năm, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tháp Mười đã thực hiện việc chỉ đạo nâng cao chất lượng giáo dục KNS cho HS (Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tháp Mười, 2023a), cũng như tăng cường quản lý hoạt động giáo dục KNS và hoạt động ngoài giờ chính khóa cho HS (Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tháp Mười, 2023b). Tuy nhiên, trong công tác quản lý hoạt động giáo dục KNS cho HS của các trường THCS vẫn còn nhiều khó khăn và bất cập. Vì vậy, để có cơ sở cho các nhà quản lý, lãnh đạo các trường THCS có thể đưa ra một số biện pháp nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý hoạt động giáo dục KNS cho HS ở các trường THCS huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Chúng tôi tiến hành nghiên cứu, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNS cho HS ở các trường THCS huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm kỹ năng sống và quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống

2.1.1. Kỹ năng sống

Kỹ năng sống là những kỹ năng tinh thần, kỹ năng tâm lý xã hội cơ bản giúp cho cá nhân tồn tại và thích ứng với cuộc sống. Tác giả Huỳnh Văn Sơn cho rằng KNS nhìn dưới góc độ tâm lý là những kỹ năng giúp con người tồn tại về mặt thể chất và mặt tâm lý (Huỳnh, 2009). Từ góc độ tâm lý học tác giả Nguyễn Quang Uẩn nêu khái niệm về KNS: KNS là một tổ hợp phức tạp của một hệ thống các kỹ năng nói lên năng lực sống của con người, giúp con người thực hiện công việc và tham gia vào cuộc sống hàng ngày có kết quả, trong những điều kiện xác định của cuộc sống. (Nguyễn, 2008).

2.1.2. Hoạt động giáo dục kỹ năng sống

Giáo dục KNS là hoạt động giúp người học có khả năng về tâm lý xã hội để phán đoán và ra quyết định tích cực, nghĩa là để “nói không với cái xấu”. Tuy nhiên, giáo dục KNS cho HS không phải là đưa ra những lời giảng giải đơn giản hay những câu hỏi thông thường mà giáo dục KNS phải nhằm hướng đến thay đổi hành vi. Giáo dục KNS cho HS là giáo dục những kỹ năng mang tính cá nhân nhằm giúp các em có thể chuyển tải những gì mình đã biết (nhận thức), những gì mình cảm nhận (thái độ) và những gì mình quan tâm (giá trị) thành những khả năng thực thụ giúp HS biết mình phải làm gì và làm như thế nào (hành vi) trong những tình huống khác nhau của cuộc sống (Nguyễn, 2005).

Như vậy, giáo dục KNS là một quá trình có mục tiêu và kế hoạch cụ thể, nhằm trang bị cho HS những kiến thức cần thiết về cuộc sống. Qua đó, HS sẽ có được những hành vi và cách ứng xử phù hợp trong các mối quan hệ xã hội, bao gồm mối quan hệ cá nhân với xã hội, với công việc, với những người xung quanh và với chính bản thân. Quá trình này giúp mỗi cá nhân HS phát triển một cách toàn diện và thích nghi tốt với môi trường sống.

2.1.3. Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống

Quản lý hoạt động giáo dục KNS bao gồm một hệ thống các hoạt động điều hành và chỉ đạo có kế hoạch của nhà quản lý, tác động lên các đối tượng liên quan. Mục đích là đảm bảo hoạt động GD&ĐT đi theo đúng hướng, phù hợp với mục tiêu, quan điểm, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và sự phát triển chung của xã hội.

Trong các cơ sở giáo dục phổ thông, thì quản lý hoạt động giáo dục KNS chính là những tác động của người hiệu trưởng trong việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) một cách tối ưu, nhằm đạt mục đích giáo dục, góp phần hình thành nhân cách toàn diện cho HS. Bởi nếu không có sự quản lý tốt, thì các hoạt động khi được tổ chức sẽ thiếu hiệu quả không chỉ đối với chủ thể mà cả đối tượng tham gia cũng sẽ bị ảnh hưởng. Vì vậy, có thể khẳng định quản lý là khâu then chốt giúp cho các hoạt động giáo dục KNS được vận hành một cách có hệ thống và đạt hiệu quả như mong muốn.

2.2. Thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

2.2.1. Khái quát tổ chức khảo sát thực trạng

Khách thể và địa bàn khảo sát: Để đánh giá đúng thực trạng quản lý hoạt động giáo dục KNS cho HS ở các trường THCS huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp, chúng tôi đã tiến hành khảo sát bằng phiếu trưng cầu ý kiến đối với 56 người là 13 CBQL và 43 GV vào tháng 3/2024.

Phương pháp khảo sát: Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, sử dụng thang đo Likert 5 mức độ, phương pháp phỏng vấn.

Cách thức xử lý số liệu khảo sát: Áp dụng phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học. Xử lý số liệu bằng phương pháp tính điểm trung bình (ĐTB), độ lệch chuẩn (ĐLC), xếp hạng (XH).

Cách quy ước điểm số cho bảng hỏi: Mỗi phiếu điều có các lựa chọn và được quy ước bằng các mức điểm khác nhau thể hiện như sau:

1 điểm	2 điểm	3 điểm	4 điểm	5 điểm
Không đầy đủ	Ít đầy đủ	Đầy đủ	Khá đầy đủ	Rất đầy đủ
Không đáp ứng	Ít đáp ứng	Đáp ứng	Khá đáp ứng	Rất đáp ứng
Không bao giờ	Hiếm khi	Đôi khi	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Không sử dụng	Ít sử dụng	Trung bình	Thường xuyên	Rất thường xuyên
Kém	Hiếm khi	Đôi khi	Khá	Tốt
Không ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Bình thường	Ảnh hưởng	Rất ảnh hưởng
$1,0 \leq \text{ĐTB} < 1,8$	$1,8 \leq \text{ĐTB} < 2,6$	$2,6 \leq \text{ĐTB} < 3,4$	$3,4 \leq \text{ĐTB} < 4,2$	$4,2 \leq \text{ĐTB} < 5,0$

Độ lệch chuẩn (Standard Deviation) (hay σ) là thước đo mức độ phân tán của điểm đánh giá so với giá trị trung bình. ĐLC gần bằng 0 hoặc nhỏ cho thấy các điểm đánh giá rất gần với giá trị trung bình, ngược lại, ĐLC lớn thể hiện sự phân tán của điểm đánh giá xa hơn so với giá trị trung bình. Nó có nghĩa là ĐLC càng thấp thì điểm đánh giá dao động hẹp, đa số các khách thể có nhận định tương tự nhau; ĐLC càng cao thì dữ liệu dao động rộng và các khách thể đánh giá khác nhau. (Nguyễn & Hùng, 2013).

2.2.2. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

Bảng 1. Kết quả khảo sát thực trạng lập kế hoạch quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Xác định căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn	3,85	0,36	1	3,84	0,37	1
2	Xác định các nội dung trọng tâm về các mục tiêu, chỉ tiêu, các biện pháp, giải cần thực hiện	3,77	0,58	2	3,47	0,79	2
3	Thiết lập hệ thống chuẩn để kiểm tra, đánh giá hoạt động, các quy chế, quy định cần thiết để đảm bảo kế hoạch thực hiện khả thi và hiệu quả.	3,15	0,53	3	3,37	0,97	3
4	Xác định nguồn kinh phí huy động, dự trù kinh phí, các chi phí, cơ sở vật chất	2,46	0,50	4	3,23	0,86	4
ĐTB chung		3,31			3,48		

Từ kết quả khảo sát ở Bảng 1 nhận thấy các trường đa số lồng ghép kế hoạch giáo dục KNS vào kế hoạch năm học của trường, có ĐTB 3,85 xếp hạng 1. Hiệu trưởng, các bộ phận giáo dục đã lập kế hoạch giáo dục căn cứ trên cơ sở kế hoạch năm học của ngành, của trường và phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của trường, lớp trong từng giai đoạn. Đây là nội dung hiện nay các trường thực hiện rất thường xuyên và hiệu quả. “Xác định các nội dung trọng tâm về các mục tiêu, chỉ tiêu, các biện pháp, giải cần thực hiện” có ĐTB 3,77 xếp hạng 2. Trong “Xác định nguồn kinh phí huy động, dự trù kinh phí, các chi phí, cơ sở vật chất” có ĐTB xếp hạng 4 và “Thiết lập hệ thống chuẩn để kiểm tra, đánh giá hoạt động, các quy chế, quy định cần thiết để đảm bảo kế hoạch thực hiện khả thi và hiệu quả” có ĐTB được xếp hạng 3. Dựa trên số liệu từ bảng biểu, có thể thấy thứ hạng của CBQL và GV khá tương đồng. Tuy nhiên, khi xét đến ĐTB, có sự chênh lệch giữa CBQL và GV ở các nội dung khác nhau. Điều này có thể được giải thích bởi sự khác biệt trong cách đánh giá của CBQL và GV đối với từng nội dung cụ thể.

2.2.3. *Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp*

Bảng 2. Thực trạng tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Bám sát các quy định, văn bản chỉ đạo của cấp trên về giáo dục KNS cho HS	3,46	0,63	4	3,51	0,62	4
2	Căn cứ các điều kiện hiện có của nhà trường để tổ chức giáo dục KNS phù hợp.	4,15	0,86	1	4,02	0,66	1
3	Xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục KNS cho HS	3,69	0,82	2	3,86	0,67	2
4	Xác định và đề xuất các lực lượng trong và ngoài nhà trường tham gia vào hoạt động giáo dục KNS	3,54	0,75	3	3,60	0,75	3
5	Xây dựng các tiêu chí và hình thức đánh giá hoạt động giáo dục KNS rõ ràng, cụ thể	2,62	0,84	6	3,28	0,79	6
6	Thành lập Ban chỉ đạo hỗ trợ hoạt động giáo dục KNS	2,85	0,77	5	3,34	0,73	5
ĐTB chung		3,38			3,62		

Đánh giá từ Bảng 2 cho thấy, tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho HS của Hiệu trưởng nhà trường được cả nhóm CBQL và nhóm GV đưa ra ở mức khá với ĐTB lần lượt là 3,38 và 3,62, có 6/6 tiêu chí đều được cả hai nhóm xếp thứ hạng bằng nhau gồm: căn cứ các điều kiện hiện có của nhà trường để tổ chức giáo dục KNS phù hợp xếp hạng 1; xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức giáo dục KNS cho HS xếp hạng 2; và thành lập Ban chỉ đạo hỗ trợ hoạt động giáo dục KNS xếp hạng 5. Đối với 02 tiêu chí xếp hạng 1 và 2, thì đây là những tiêu chí quan trọng nhất trong việc tổ chức giáo dục KNS, khi tổ chức phải dựa vào điều kiện thực tế của nhà trường hiện có thì khi tổ chức thực hiện mới khả thi, mỗi trường đều có tiềm năng, thế mạnh khác nhau, đó là nguồn nhân lực, cơ sở vật chất hiện có, các lực lượng xã hội khác cùng tham gia thì mới thực hiện đạt hiệu quả cao nhất. Từ dữ liệu trong bảng biểu, ta thấy thứ hạng của CBQL và GV khá tương đồng. Tuy nhiên, khi phân tích ĐTB, xuất hiện sự khác biệt giữa CBQL và GV ở một số nội dung. Có những nội dung được CBQL đánh giá ĐTB cao hơn, trong khi một số nội dung khác lại được GV đánh giá cao hơn. Sự chênh lệch này có thể được lý giải bởi cách đánh giá khác biệt của CBQL và GV đối với từng nội dung cụ thể.

Để việc tổ chức các hoạt động giáo dục KNS đạt hiệu quả thì vai trò của đội ngũ phụ trách tổ chức hoạt động giáo dục KNS được phân công là rất quan trọng, đòi hỏi họ không chỉ giỏi về chuyên môn - nghiệp vụ, mà phải có thêm các kỹ năng bổ trợ khác (năng khiếu) để có thể huy động lôi cuốn HS tích cực khi tham gia; việc lựa chọn và xếp hạng 1 cho tiêu chí này của nhóm CBQL là rất phù hợp, vì thực tế cho thấy không phải GV nào cũng có thể làm tốt được công tác đoàn thể. Tuy nhiên, nhóm GV không đánh giá cao tiêu chí này, xuất phát từ thực trạng, đội ngũ GV ở một số trường hiện còn diễn ra tình trạng thừa - thiếu cục bộ, đặc biệt đối với các trường thiếu GV, việc phân công nhiệm vụ nói chung và phụ trách các hoạt động về giáo dục KNS rất khó khăn, đôi khi bắt buộc phải phân công cho GV đó, dù biết rõ họ chưa đảm bảo đủ năng lực làm công tác Đội, hay phân công giảng dạy bộ môn hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Tóm lại, dù có nhiều nhận định trái chiều nhưng cơ bản qua khảo sát, đã phần nào phản ánh được thực trạng trong tổ chức các hoạt động giáo dục KNS cho HS ở các trường tham gia khảo sát hiện nay. Kế hoạch giáo dục KNS dù có tốt, có hoàn hảo, nhưng đội ngũ thực hiện không đảm bảo thì khó đòi hỏi kết quả cao như mong muốn. Vì vậy, yêu cầu người Hiệu trưởng phải có tầm nhìn xa, trong việc sử dụng, phân công đội ngũ GV tham gia các hoạt động giáo dục KNS sao cho phù hợp, phải biến cái bất lợi thành lợi thế nếu đội ngũ hiện có chưa đủ mạnh, thông qua việc bồi dưỡng chuyên môn - nghiệp vụ, tìm giải pháp phát triển năng lực đội ngũ hiện có tại trường mình.

2.2.4. *Thực trạng chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp*

Bảng 3. Đánh giá về chỉ đạo hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Triển khai kế hoạch giáo dục KNS đến toàn thể cán bộ, GV và nhân viên nhà trường	3,46	0,75	3	3,74	0,44	2
2	Chỉ đạo đội ngũ tham gia hoạt động giáo dục KNS theo đúng kế hoạch và mục tiêu đề ra	3,15	0,53	4	3,79	0,46	1
3	Đảm bảo tri thức và năng lực chỉ đạo, ra quyết định liên quan đến hoạt động giáo dục KNS	3,54	0,63	2	3,70	0,70	3
4	Theo dõi, đôn đốc, động viên đội ngũ tham gia hoạt động giáo dục KNS	3,92	0,27	1	3,74	0,62	2
ĐTB chung		3,52			3,74		

Kết quả từ Bảng 3 cho thấy, ĐTB của các tiêu chí tham gia khảo sát đều được cả hai nhóm CBQL và nhóm GV đánh giá ở lần lượt là 3,52 và 3,74. Điều này, thể hiện Hiệu trưởng ở một số trường chưa sâu sát trong việc chỉ đạo, tâm lý giao khoán trong phân công còn nặng nề, dẫn đến chất lượng và hiệu quả giáo dục KNS chưa đảm bảo theo yêu cầu. Trong khi đó, nhóm GV lại rất cần sự chỉ đạo này, bởi nó không chỉ giúp cho đội ngũ GV xoá bỏ tâm lý đơn độc, tự bơi, mà còn giúp họ nâng cao tinh thần trách nhiệm khi thực hiện nhiệm vụ, giúp các hoạt động giáo dục KNS mà họ được phân công tổ chức trở nên đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức và có chiều sâu hơn.

Một điểm chung dễ nhận thấy qua bảng số liệu này, là cả nhóm CBQL và nhóm GV đều xếp hạng cao tiêu chí theo dõi, đôn đốc, động viên đội ngũ tham gia hoạt động giáo dục KNS, lần lượt hạng 1 và 2. Đây được xem là yếu tố rất quan trọng trong công tác chỉ đạo và được gọi là nghệ thuật quản lý, theo dõi không phải là thiếu tin tưởng, làm người khác ức chế, lo sợ, mà là sự quan tâm từ xa có chủ đích, để đội ngũ GV luôn ý thức được vai trò và trách nhiệm của mình khi thực hiện các nhiệm vụ giáo dục KNS được phân công.

2.2.5. *Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp*

Bảng 4. Đánh giá về kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười

STT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	XH	ĐTB	ĐLC	XH
1	Việc lập kế hoạch kiểm tra, đánh giá của các bộ phận được phân công	3,46	0,75	3	3,72	0,97	3
2	Xây dựng khung tiêu chí phục vụ cho công tác kiểm tra và đánh giá	3,85	0,66	1	3,98	0,82	1
3	Tần suất kiểm tra các hoạt động giáo dục KNS	3,38	0,84	4	3,77	0,98	2
4	Hình thức kiểm tra, đánh giá đa dạng, phong phú	3,23	0,80	5	3,53	0,90	5
5	Tính khách quan, trung thực trong quá trình đánh giá	3,54	0,80	2	3,70	0,90	4
ĐTB chung		3,49			3,74		

Kết quả từ Bảng 4 cho thấy, với các tiêu chí được lựa chọn làm nội dung khảo sát về thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động giáo dục KNS cho HS tại các trường, đều được nhóm CBQL và nhóm GV đánh giá đạt mức khá với ĐTB chung là 3,49 và 3,74. Điều đáng lưu ý là gần 5/5 tiêu chí được đưa ra đều được cả hai nhóm xếp hạng khá tương đồng, không có chênh lệch lớn; trong đó, xây dựng khung tiêu chí phục vụ cho công tác kiểm tra và đánh giá được cả hai nhóm xếp hạng 1. Đây được xem là tiêu chí quan trọng trong thực hiện kiểm tra, đánh giá các hoạt động giáo dục KNS, là cơ sở khẳng định việc đánh giá là trung thực - khách quan, không cảm tính, với các nội dung trong khung tiêu chí được xây dựng từ trước, các hoạt động giáo dục KNS khi được tổ chức bắt buộc phải bám sát khung tiêu chí này, thì mới được xem là các minh chứng hợp lệ phục vụ hoạt động kiểm tra, đánh giá sau này.

Tóm lại, khi các hoạt động giáo dục KNS cho HS được tổ chức, muốn đạt được hiệu quả tối đa theo yêu cầu, đòi hỏi CBQL mà cụ thể là Hiệu trưởng các trường phải đặc biệt chú trọng khâu kiểm tra, đánh giá. Tuy nhiên, việc kiểm tra đánh giá phải mang tính thực chất, tránh làm dưới dạng hình thức hay chiếu lệ, mà việc kiểm tra ngoài phương diện hành chính, còn mang ý nghĩa thúc đẩy, nâng cao nhận thức của đội ngũ GV làm công tác giáo dục KNS, giúp họ luôn làm việc trách nhiệm, làm bằng chính cái tâm nghề nghiệp của mình, không phải tâm thế đối phó, được như vậy chất lượng các hoạt động giáo dục KNS sẽ mang lại hiệu quả đích thực.

2.3. Đánh giá chung về thực trạng quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh ở các trường trung học cơ sở huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp

2.3.1. Những mặt mạnh

Thứ nhất, CBQL, GV tại các trường THCS trên địa bàn huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp đều có nhận thức rất đúng đắn về vai trò, ý nghĩa mà hoạt động giáo dục KNS sẽ mang lại cho HS. Đặc biệt, thông qua hệ thống các kỹ năng cơ bản cần trang bị cho HS thế kỷ 21, là những kỹ năng thiết yếu, giúp trang bị cho HS hành trang đầy đủ nhất để bước vào đời, bên cạnh tri thức và nhân cách.

Thứ hai, nội dung giáo dục KNS cho HS được tổ chức tại các trường khá đa dạng và phong phú, được tích hợp dưới nhiều hình thức. Trong đó, hoạt động trải nghiệm, hoạt động Đoàn, Đội là những hoạt động có sức hút lớn và đạt hiệu quả cao trong việc giúp HS học tập, hình thành KNS cho bản thân mình. Bên cạnh đó, đối với bộ môn giáo dục công dân, hoạt động

ngoài giờ lên lớp cũng góp phần rất lớn trong công tác này, đây là môn học được thiết kế dưới dạng chủ đề, chủ điểm rất cụ thể, nhằm giúp HS vừa học, vừa kết hợp vui chơi, và thông qua hoạt động này sẽ giúp các em rèn luyện thêm cho bản thân nhiều KNS khác.

Thứ ba, các hoạt động giáo dục KNS được tổ chức đồng bộ, đảm bảo yêu cầu và mục tiêu giáo dục đề ra, trong đó vai trò chủ thể quản lý Hiệu trưởng được nhìn nhận và đánh giá đúng thực tế. Hiệu trưởng là đầu tàu trong việc định hướng kế hoạch giáo dục nói chung và kế hoạch giáo dục KNS nói riêng, đã kịp thời chỉ đạo, định hướng sâu sát để các hoạt động giáo dục KNS khi tổ chức phát huy hiệu quả.

Thứ tư, lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục KNS đáp ứng tốt yêu cầu đặt ra và phù hợp với các điều kiện hiện có của nhà trường, trong kế hoạch xác định rõ mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, các hoạt động giáo dục KNS khi được tổ chức có trọng tâm thu hút được HS tích cực tham gia.

Thứ năm, công tác kiểm tra - đánh giá được thực hiện khoa học và hiệu quả, các trường đều xây dựng được bộ khung tiêu chí trong đánh giá, nhằm đảm bảo việc kiểm tra đánh giá trở nên thực chất; tần suất trong kiểm tra cũng được đảm bảo ở mức phù hợp để phát huy tối đa hiệu quả.

Thứ sáu, các yếu tố chủ quan và khách quan được nhìn nhận một cách phù hợp, đó là năng lực của chủ thể quản lý; năng lực đội ngũ GV; sự tham gia và hưởng ứng của HS và vai trò của Nhà trường có sự ảnh hưởng tích cực đến hiệu quả giáo dục KNS cho HS.

2.3.2. Mặt yếu

Thứ nhất, dù số lượng không nhiều nhưng số ít CBQL, GV cho rằng việc giáo dục KNS cho HS hiện nay là nhằm mục tiêu thực hiện chính sách về giáo dục, như vậy sẽ làm cho hoạt động giáo dục KNS kém đi phần quan trọng, bởi mang tính nghĩa vụ bắt buộc, gượng ép phải làm, mà phải được xuất phát từ ý thức, tinh thần và trách nhiệm của người thực hiện và người thụ hưởng là HS.

Thứ hai, nội dung giáo dục KNS cho HS chưa được thực hiện cách đồng bộ giữa các hoạt động giáo dục, đặc biệt là nội dung tích hợp thông qua các môn học chưa được GV bộ môn chú trọng.

Thứ ba, quá chú trọng và đề cao vai trò chủ thể quản lý Hiệu trưởng trong chỉ đạo tổ chức các hoạt động giáo dục KNS; còn xem nhẹ vai trò của các chủ thể cán bộ Đoàn – Đội trong trường; GV bộ môn và HS.

Thứ tư, trong xây kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục KNS cho HS tại trường, khâu xác định và đề xuất các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia, chưa phát huy sức mạnh, chủ yếu thực hiện vẫn là lực lượng bên trong nhà trường.

Thứ năm, công tác kiểm tra đánh giá dù được thực hiện, nhưng hình thức chưa đa dạng và phong phú.

Thứ sáu, các yếu tố tác động làm giảm hiệu quả giáo dục KNS cho HS như nhận thức của các bên có liên quan; công tác phối hợp giữa các lực lượng, gia đình và xã hội chưa được nhìn nhận và coi trọng.

2.3.3. Nguyên nhân

Một là, nhận thức về tầm quan trọng thực hiện công tác quản lý hoạt động giáo dục KNS cho HS THCS, quá chú trọng và đề cao vai trò chủ thể quản lý Hiệu trưởng trong chỉ đạo tổ chức các hoạt động giáo dục KNS, còn xem nhẹ vai trò của các chủ thể trong nhà trường. Về thực hiện vai trò của Hiệu trưởng trong quản lý: chưa chủ động xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình, hình thức thực hiện giáo dục KNS cho phù hợp với từng đối tượng HS. Chưa tăng cường bồi dưỡng GV qua các buổi sinh hoạt chuyên môn, chuyên đề nhằm nâng cao nhận thức giáo dục KNS cho HS để giáo dục toàn diện cho HS đạt hiệu quả.

Hai là, trong xây kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục KNS cho HS tại trường, khâu xác định và đề xuất các lực lượng trong và ngoài nhà trường cùng tham gia, chưa phát huy sức mạnh, chủ yếu thực hiện vẫn là lực lượng bên trong nhà trường. Việc xây dựng kế hoạch giáo dục KNS cho HS của nhà trường tuy có nhưng phần lớn được lồng ghép vào kế hoạch năm học. Việc lập kế hoạch giáo dục KNS của GV, GV chủ nhiệm, tổng phụ trách đội còn xây dựng trên cơ sở kế hoạch năm học của trường, phù hợp với tình hình thực tế từng lớp nhưng chưa thể hiện sự đầu tư, sáng tạo, chi tiết, có sự không đều tay giữa các GV, GV chủ nhiệm, tổng phụ trách Đội. Thể hiện ở chỗ còn một số HS chưa mạnh dạn trong giao tiếp, còn vi phạm về văn hoá ứng xử.

Ba là, công tác tổ chức hoạt động giáo dục KNS cho HS còn hạn chế ở nội dung làm cho quá trình giáo dục vận hành đồng bộ và nội dung hướng tới quản lý các hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục giúp HS hình thành các khả năng tâm lý - xã hội chưa được đồng bộ và hiệu quả.

Bốn là, công tác chỉ đạo hoạt động giáo dục KNS cho HS. Cần quan tâm nhiều hơn nội dung quản lý việc xây dựng kế hoạch của GV chủ nhiệm và quản lý việc phối hợp thực hiện giáo dục KNS trong hoạt động Đội. Qua kết quả khảo sát thấy rằng việc phối hợp giữa GV chủ nhiệm và Liên đội còn chưa đồng bộ, đùn đẩy trách nhiệm dẫn đến việc giáo dục KNS cho HS chưa được kịp thời, đến nơi, đến chốn.

Năm là, công tác kiểm tra đánh giá hoạt động giáo dục KNS cho HS dù được thực hiện nhưng chưa đa dạng và phong phú, nội dung còn hạn chế cần được quan tâm nhiều hơn, thực hiện thường xuyên hơn là quản lý kiểm tra việc thực hiện kế hoạch theo đúng quy định.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát cho thấy, bên cạnh những thành tựu đạt được trong quản lý hoạt động giáo dục KNS cho HS ở các trường THCS huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp vẫn tồn tại nhiều hạn chế như: (1) Việc xây dựng kế hoạch cho các hoạt động giáo dục KNS của nhà trường chưa được chú trọng; (2) Công tác kiểm tra, đánh giá chưa được thực hiện nghiêm túc; (3) Thiếu kinh phí và các điều kiện cần thiết để tổ chức các hoạt động giáo dục KNS cho HS. Để khắc phục những hạn chế này, cần có sự thay đổi về nhận thức trong đội ngũ cán bộ, GV và những người tham gia quản lý hoạt động giáo dục KNS. Bên cạnh đó, các trường cần tham khảo và áp dụng một cách sáng tạo, linh hoạt và đồng bộ các biện pháp vào điều kiện thực tế của nhà trường để đạt được hiệu quả cao nhất trong hoạt động giáo dục KNS cho HS trong thời gian tới.

Tài liệu tham khảo

- Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Ban chấp hành Trung ương khóa XI “về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông*.
- Huỳnh, V. S. (2009). *Nhập môn kỹ năng sống*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, Q. U. (2008). *Một số vấn đề lý luận về kỹ năng sống*. Hà Nội: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn, V. Đ., & Phạm, M. H. (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học quản lý giáo dục*. Hà Nội: NXB Giáo dục Việt Nam.
- Nguyễn, T. O. (2005). *Kỹ năng sống cho trẻ vị thành niên*. Thành phố Hồ Chí Minh: NXB trẻ.

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tháp Mười. (2023a). *Công văn số 1211/PGDDĐT-NV ngày 20/11/2023 về nâng cao chất lượng giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.*

Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tháp Mười. (2023b). *Công văn số 1352/PGDDĐT-NV ngày 15/12/2023 về tăng cường quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khoá.*

UNESCO. (1996). *Khuyến nghị của Ủy ban Quốc tế về mục tiêu giáo dục cho thế kỷ XXI.*